

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 27-3-2023

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Vũ.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-DS ngày 09/3/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP B;

Trụ sở: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường T, phường A, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Trần Hữu T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B Chi nhánh Hậu Giang.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Dương Chí K - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - có mặt

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang - có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Chí K trình bày:* Bà Nguyễn Thị H vay vốn tại Ngân hàng TMCP B Chi nhánh Hậu

Giang PGD Long Mỹ lần 1 theo hợp đồng tín dụng số 062124600014TD2 ngày 23/4/2014 cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 50.000.000 (Bằng chữ: năm mươi triệu đồng).
- Thời hạn của hợp đồng cho vay: 11 tháng kể từ ngày 23/4/2014 đến hết ngày

23/3/2015

- Phương thức cho vay: Từng lần. Ngày giải ngân: 23/4/2014
- Kỳ hạn trả lãi: Trả vào ngày 23/10/2014 và ngày 23/3/2015
- Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả cuối kỳ vào ngày 23/3/2015
- Ngày trả nợ cuối cùng: 23/3/2015

Mục đích sử dụng vốn: trồng lúa, nuôi tôm.

- Lãi suất cho vay: 13%/năm (một năm 365 ngày), áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của LienVietPostBank.

Lãi suất phạt quá hạn: Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Lần 2 bà Nguyễn Thị H vay vốn tại Ngân hàng TMCP B Chi nhánh Hậu Giang - PGD Long Mỹ theo và Hợp đồng tín dụng số T509852460614TD3 ngày 11/06/2014, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng).
- Thời hạn hiệu lực của hợp đồng cho vay: 11 tháng kể từ ngày 11/06/2014 đến

hết ngày 11/5/2015.

Phương thức cho vay: Từng lần.

- Kỳ hạn trả lãi: Trả định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 11/09/2014; 11/12/2014; 11/03/2015; 11/05/2015.

- Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả cuối kỳ vào ngày 11/05/2015.

- Ngày trả nợ cuối cùng: 11/05/2015.

- Mục đích sử dụng vốn: Sửa chữa nhà ở và mua sắm vật dụng gia đình.

- Lãi suất cho vay: 14,50%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của LienVietPostBank.

Lãi suất phạt quá hạn: Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Hình thức vay, vay tín chấp, giữ hộ tài sản là QSDĐ số CH00466 do UBND huyện Vĩnh Thuận cấp ngày 24/04/2014.

Quá trình thực hiện Hợp đồng bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP B kể từ ngày 23/03/2015 và phải chịu mức lãi phạt lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tính đến hết ngày 27/3/2023, bà Nguyễn Thị H còn phải thanh toán cho Ngân hàng B Chi nhánh Hậu Giang - PGD Long Mỹ với tổng số tiền: 185.879.285 đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng 062124600014TD2-KU01 ngày 23/04/2014
- + Gốc: 50.000.000 đồng
- + Lãi trong hạn 2.726.389 đồng.
- + Lãi quá hạn 78.373.973 đồng.
- Tổng cộng: 131.100.362 đồng
- Hợp đồng tín dụng T509852460614TD3- KU01 ngày 11/06/2014
- + Gốc: 20.000.000 đồng
- + Lãi trong hạn 491.389
- + Lãi quá hạn 34.287.534
- Tổng cộng: 54.778.923 đồng

Quá trình đôn đốc, thu hồi nợ: Ngân hàng B Chi nhánh Hậu Giang - PGD Long Mỹ đã nhiều lần đến đôn đốc, nhắc nhở bà Nguyễn Thị H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay nhưng bà Nguyễn Thị H đã cam kết nhiều lần nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở trên, Ngân hàng TMCP B kính đề nghị Tòa xem xét và giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng với tổng số nợ còn thiếu

* Tại bản tự khai ngày 28/12/2022 bà H trình bày bà có vay tiền tại Ngân hàng 02 lần với số tiền 70.000.000 đồng và thống nhất lãi suất như Ngân hàng đã kê khai. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn bà đề nghị Ngân hàng giảm lãi và cho trả dần cho đến khi hết số nợ. Ngân hàng không thống nhất với đề nghị.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu ngân hàng cho bà xin bớt phần lãi suất. Còn phần vốn gốc thì bà xin trả dần hàng tháng, 01 tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại B xác định yêu cầu bà H trả cho Ngân hàng số tiền nợ tổng cộng gốc và lãi tính đến hết ngày 27/3/2023, bà Nguyễn Thị H còn phải thanh toán cho Ngân hàng B Chi nhánh Hậu Giang - PGD Long Mỹ với tổng số tiền: 185.879.285đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng 062124600014TD2-KU01 ngày 23/04/2014
Gốc: 50.000.000 đồng
Lãi trong hạn 2.726.389 đồng.
Lãi quá hạn 78.373.973 đồng.
Tổng cộng: 131.100.362 đồng
- Hợp đồng tín dụng T509852460614TD3- KU01 ngày 11/06/2014
Gốc: 20.000.000 đồng
Lãi trong hạn 491.389.
Lãi quá hạn 34.287.534.
Tổng cộng: 54.778.923 đồng.

Phần lãi phát sinh sau ngày 27/03/2023 sẽ được tính theo lãi suất nợ quá hạn qui định trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Điều 1 của Nghị quyết số 01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

[2] *Nội dung tranh chấp*: Năm 2014 bà H vay của Ngân hàng B số tiền 70.000.000 đồng, tính đến nay đã hết hạn hợp đồng nhưng bà H không trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu bị đơn và Nguyễn Thị H trả số tiền tính đến hết ngày 27/3/2023 với tổng số tiền: 185.879.285đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng 062124600014TD2-KU01 ngày 23/04/2014
Gốc: 50.000.000 đồng
Lãi trong hạn 2.726.389 đồng.
Lãi quá hạn 78.373.973 đồng.
Tổng cộng: 131.100.362 đồng
- Hợp đồng tín dụng T509852460614TD3- KU01 ngày 11/06/2014

Gốc: 20.000.000 đồng

Lãi trong hạn 491.389

Lãi quá hạn 34.287.534

Tổng cộng: 54.778.923 đồng

[2.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B thấy rằng:* Việc Ngân hàng cho bà H vay tiền có lập hợp đồng, việc cho vay tiền giữa các bên là tự nguyện, thỏa thuận lãi suất cho vay cụ thể, vay theo hình thức tín chấp và Ngân hàng có giữ của bà H 01 giấy chứng nhận QSD đất. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn liên tục vi phạm hợp đồng là không trả gốc và lãi theo kỳ hạn như đã thỏa thuận, bị đơn xác định có vay tiền, dư nợ chưa trả, lãi suất theo hợp đồng đã thỏa thuận. Do đó, HĐXX có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

[2.2] *Đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc yêu cầu trả lãi suất:* Lãi trong hạn còn thiếu 3.217.778 đồng, lãi quá hạn 112.661.507 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng khi cho vay các bên đã thỏa thuận lãi suất vay, bên bị đơn cũng thống nhất không có ý kiến gì. Xét thấy việc tự thỏa thuận lãi suất giữa các bên trong hợp đồng vay là phù hợp theo quy định tại Điều 91 (Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng) của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7 và khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên trong hợp đồng tín dụng là không vượt quá các quy định của pháp luật về lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi suất khoản nợ vay.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại cổ phần B là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Nguyễn Thị H trả số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng tổng cộng gốc và lãi là 185.879.285 đồng (Trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng, lãi trong hạn còn thiếu 3.217.778 đồng, lãi quá hạn 112.661.507 đồng).

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền 185.879.285 đồng $\times 5\% = 9.293.964$ đồng. Do bị đơn bà Nguyễn Thị H bị buộc trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí là

9.293.964 đồng. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần B số tiền là 4.491.496 đồng theo biên lai thu tiền số 0002627 ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26; Điều 35, Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều và khoản 01 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 185.879.285 đồng (Trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng, lãi trong hạn còn thiếu 3.217.778 đồng, lãi quá hạn 112.661.507 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 062124600014TD2 ngày 23/04/2014 và Hợp đồng tín dụng số T509852460614TD3 ngày 11/06/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H giấy chứng nhận QSD đất số CH00466 do UBND huyện Vĩnh Thuận cấp ngày 24/04/2014.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H chịu án phí 9.293.964 đồng. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần B số tiền là 4.491.496 đồng theo biên lai

thu tiền số 0002627 ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/3/2023).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Vinh